

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 580/TTr-STC ngày 20 tháng 12 năm 2016 về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Giá dịch vụ trông giữ xe

1. Giá cụ thể đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đơn vị tính: Đồng/xe/lượt.

STT	Nội dung giá	Ban ngày	Ban đêm
A)	Tại bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh		
1	Xe đạp, xe đạp điện.	500	1.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện.	1.000	2.000
3	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải từ 3 tấn trở xuống.	8.000	16.000
4	Xe ô tô trên 15 chỗ ngồi, xe tải trên 3 tấn.	10.000	20.000
B)	Tại các nơi khác (ngoài bệnh viện, trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh)		
1	Xe đạp, xe đạp điện.	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện.	2.000	4.000
3	Xe ô tô, xe tải.	10.000	20.000

2. Giá tối đa đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư toàn bộ bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Đơn vị tính: Đồng/xe/lượt.

STT	Nội dung giá	Ban ngày	Ban đêm
A)	Tại khu vực trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh		
1	Xe đạp, xe đạp điện	500	1.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	1.000	2.000
B)	Tại các nơi khác (ngoài khu vực trường học, ký túc xá sinh viên, học sinh)		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy điện	3.000	6.000
3	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống, xe tải từ 3 tấn trở xuống	10.000	10.000
4	Xe ô tô trên 15 chỗ ngồi, xe tải trên 3 tấn	20.000	40.000

Điều 3. Một số quy định cụ thể

1. Thời gian trông giữ xe ban đêm được tính từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.

2. Giá dịch vụ trông giữ xe quy định tại Điều 2 Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Các tổ chức, cá nhân trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước không được thu cao hơn giá tối đa định tại Khoản 2, Điều 2 Quyết định này.

4. Các tổ chức, cá nhân trông giữ xe phải thực hiện niêm yết giá công khai tại địa điểm trông giữ xe và thu đúng giá niêm yết.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

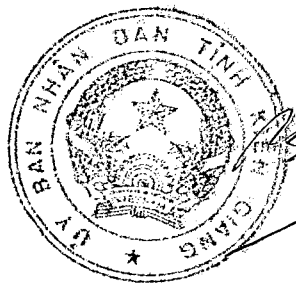
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính, Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2017./. *HN*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 5 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STC (03), nknguyen. *48*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

